

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố tuyến đường thủy nội địa do địa phương
quản lý trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày
17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra
đảo trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BGTVT ngày 21 tháng 02 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư
số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao
thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng
biển Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2834/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của
Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển
kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 và
định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 218/TTr-
SGTVT ngày 02 tháng 10 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố tuyến đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa
bàn tỉnh Kiên Giang, như sau:



STT	Tên tuyến	Phạm vi		Chiều dài (1 hải lý = 1,852km)	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Hải lý	Km (lấy tròn)
1	Ba Hòn – Hòn Heo	Bến tàu Ba Hòn	Bến tàu Hòn Heo	10	18,5
2	Ba Hòn – Hòn Nghệ	Bến tàu Ba Hòn	Bến tàu Hòn Nghệ	13	24
3	Rạch Giá – Hòn Tre	Cảng thủy nội địa Rạch Giá	Bến tàu Hòn Tre	13	24
4	Rạch Giá – Hòn Sơn Rái	Cảng thủy nội địa Rạch Giá	Bến tàu Lại Sơn	28	52
5	Rạch Giá – Hòn Nghệ	Cảng thủy nội địa Rạch Giá	Bến tàu Hòn Nghệ	30,5	56,5
6	Tắc Cậu – Hòn Tre	Cảng thủy nội địa Tắc Cậu	Bến tàu Hòn Tre	14,5	27
7	Tắc Cậu – Hòn Nghệ	Cảng thủy nội địa Tắc Cậu	Bến tàu Hòn Nghệ	32	59,5
8	Hà Tiên – Hòn Heo	Bến tàu Hà Tiên	Bến tàu Hòn Heo	17	31,5
9	Hà Tiên – Tiên Hải	Bến tàu Hà Tiên	Bến tàu Tiên Hải	10	18,5
10	An Thới – Hòn Thơm	Cảng An Thới	Bến tàu Hòn Thơm	5	9,3
11	Bình An – Ba Hòn Đầm	Bến tàu Tiến Triển	Bến tàu Ba Hòn Đầm	9,7	18
12	Hòn Heo – Hòn Nghệ	Bến tàu Hòn Heo	Bến tàu Hòn Nghệ	8,9	16,5
13	Hòn Tre – Hòn Sơn Rái	Bến tàu Hòn Tre	Bến tàu Lại Sơn	17,8	33
14	An Sơn – Nam Du	Bến tàu An Sơn	Bến tàu Nam Du	3,2	6
15	Xẻo Nhàu – Hòn Sơn Rái	Bến tàu Xẻo Nhàu	Bến tàu Lại Sơn	13,5	25
16	Hoạt động chở khách du lịch ven bờ biển và quanh các đảo	Các cảng, bến, vùng nước được cấp giấy phép hoạt động	Các cảng, bến, vùng nước được cấp giấy phép hoạt động	Cách bờ không quá 12 hải lý	

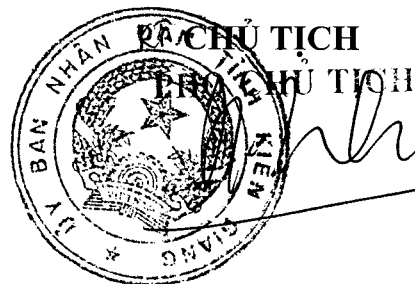
Điều 2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm lập hồ sơ, tổ chức quản lý, bảo trì các tuyến đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được công bố tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 04/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố đường thủy nội địa do địa phương quản lý. / *Đan*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Giao thông vận tải (03b);
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, tthuy (03b).



Mai Anh Nhịn

